

Số: 12 /2019/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên bộ: Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 92/TTr-SNN ngày 11/4/2019 và báo cáo số 59/BC-STP ngày 10/4/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2019 và thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ quan kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; cơ quan kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và sự quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3/6, TTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển

QUY ĐỊNH

Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao gồm:

a) Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Các quy định khác về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Tuân thủ theo nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 3, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo, công khai, minh bạch.

2. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý bởi một cơ quan. Trường hợp cơ sở, sản xuất kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì, cơ quan liên quan tham gia phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm quản lý và có trách nhiệm giải trình với cơ quan cấp trên về các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm.

3. Các cơ quan, đơn vị cùng cấp hoặc khác cấp phải phối hợp thực hiện, chia sẻ thông tin từ lập kế hoạch đến khi kết thúc, báo cáo kết quả thực hiện để biết và phối hợp. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp cơ quan cấp dưới có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên xin ý kiến giải quyết.

Điều 4. Cơ quan chủ trì thực hiện và cơ quan phối hợp

1. Đối với cấp tỉnh: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản Ninh Bình là đơn vị chủ trì và phối hợp các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện;

2. Đối với cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 5. Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

a) Thẩm định cơ sở trồng trọt, kể cả hoạt động sơ chế tại cơ sở trồng trọt thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

b) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (ATTP), Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

a) Thẩm định cơ sở chăn nuôi thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản) và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

b) Thẩm định cơ sở giết mổ, sơ chế; lưu thông, tiêu thụ (bao gồm: chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản); truy xuất nguồn gốc cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật khi có cảnh báo của cơ quan Trung ương.

c) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy xác nhận kiến thức về ATTP, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

3. Chi cục Thủy sản

a) Thẩm định cơ sở nuôi trồng thủy sản; tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên), cảng cá thuộc chuỗi thực phẩm thủy sản và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

b) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy xác nhận kiến thức về ATTP, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản này.

4. Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và Thủy sản

a) Thẩm định cơ sở sơ chế, chế biến độc lập; lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết; truy xuất nguồn gốc cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật khi có cảnh báo của cơ quan Trung ương.

b) Thẩm định cơ sở chế biến thuộc chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản) và lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

c) Thẩm định cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến (bao gồm cả tàu cá chế biến), kho lạnh độc lập; lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập) thuộc chuỗi thực phẩm thủy sản; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết; truy xuất nguồn gốc cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chuỗi thực phẩm thủy sản khi có cảnh báo của cơ quan Trung ương.

d) Thẩm định các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu đối với muối ăn.

đ) Thẩm định cơ sở sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông, lâm, thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản; lưu thông, tiêu thụ, xuất khẩu, nhập khẩu đối với sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; lấy mẫu giám sát để thẩm tra an toàn thực phẩm khi cần thiết.

e) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc đối tượng kiểm tra của 02 đơn vị trở lên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy xác nhận kiến thức về ATTP, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 22/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, bao gồm:

- a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;
- b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên;
- c) Sơ chế nhỏ lẻ;
- d) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;
- đ) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và Thủy sản (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là cơ quan đầu mối có trách nhiệm tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Bình tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và công tác quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Cơ quan, đơn vị thẩm định, quản lý quy định tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản) theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6), hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác thẩm định, quản lý theo phân công, phân cấp tại quy định này để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện quy định về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm.

c) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của cơ quan quản lý cấp huyện.

d) Trường hợp có phát sinh loại hình sản xuất, kinh doanh mới thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc có biến động về tổ chức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở quyết định phân công quản lý cho các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh,

đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cho cơ quan kiểm tra cấp huyện.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao thẩm định

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cụ thể:

a) Tổ chức thẩm định, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được phân công, phân cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định;

c) Thông báo công khai danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân công trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

d) Cập nhật, rà soát, thống kê, lập danh sách các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản) theo quy định.

e) Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thẩm định, đánh giá xếp loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn nhân lực, kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho các cơ quan thẩm định theo quy định.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn đối với các đối tượng được phân cấp tại Khoản 5 Điều 5 Quy định này cụ thể:

a) Giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng kinh tế thành phố làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo phân cấp. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn theo phân cấp thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; xây dựng kế hoạch kiểm tra và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy

sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) Bố trí nguồn lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân công, phân cấp tại địa phương.

d) Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

đ) Thông báo danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP không chấp hành nội dung cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn theo phân cấp trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương.

e) Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Bình thực hiện các hoạt động về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý.

f) Cập nhật, rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản) theo quy định.

6. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 24 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Điều 11 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đã được ký cam kết theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên giấy.

2. Công tác kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn được thực hiện quy định tại các văn bản chuyên ngành hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm thi hành Quy định này và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan về lĩnh vực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện theo địa bàn, lĩnh vực được phân công.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định mới tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức cá nhân báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển